

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2024/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức
thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BNV ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1111/TTr-SNV ngày 22 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; doanh nghiệp nhà nước

thuộc tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2024 và thay thế Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lâm Minh Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với viên chức làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
- Đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp thuộc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được áp dụng Quy định này để thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với những người làm việc trong đơn vị sự nghiệp.
- Quy định này không điều chỉnh đối với người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Chức danh nghề nghiệp hạng I” là viên chức xếp lương loại A3.
- “Chức danh nghề nghiệp hạng II” là viên chức xếp lương loại A2.

3. “Chức danh nghề nghiệp hạng III” là viên chức xếp lương loại A1.
4. “Chức danh nghề nghiệp hạng IV” là viên chức xếp lương loại A0.
5. “Chức danh nghề nghiệp hạng V” là viên chức xếp lương loại B.
6. “Đơn vị nhóm 1” là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.
7. “Đơn vị nhóm 2” là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.
8. “Đơn vị nhóm 3” là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.
9. “Đơn vị nhóm 4” là đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Điều 4. Nội dung phân cấp quản lý

1. Tuyển dụng viên chức.
2. Sử dụng và quản lý viên chức:
 - a) Bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương, xét chuyển chức danh nghề nghiệp, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
 - b) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm và cho thôi giữ chức vụ quản lý;
 - c) Đào tạo, bồi dưỡng;
 - d) Chuyển công tác;
 - đ) Biệt phái;
 - e) Vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp;
 - g) Đánh giá, xếp loại chất lượng;
 - h) Báo cáo thống kê;
 - i) Thôi việc, nghỉ hưu.

Chương II

PHÂN CẤP TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

Điều 5. Tuyển dụng viên chức

Việc tuyển dụng viên chức gồm có các hình thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển (gọi chung là tuyển dụng) và tiếp nhận vào viên chức.

Điều 6. Trách nhiệm, thẩm quyền tuyển dụng

1. Giám đốc Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản đối với kế hoạch tuyển dụng viên chức theo vị trí việc làm và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm của các sở, ban, ngành tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức theo vị trí việc làm và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm, gửi Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản trước khi tổ chức tuyển dụng;

b) Xây dựng, quyết định kế hoạch tuyển dụng, tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức theo vị trí việc làm và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu đối với đơn vị nhóm 3;

c) Thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát kỳ tuyển dụng, tổ chức tuyển dụng, công nhận kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng viên chức đối với thuộc đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4;

d) Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi hết thời gian tập sự; hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với viên chức thuộc đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4;

đ) Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch; quyết định hình thức và nội dung sát hạch; quyết định tiếp nhận vào viên chức đối với thuộc đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2

- Quyết định kế hoạch tuyển dụng viên chức theo vị trí việc làm và số lượng người làm việc;

- Thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát kỳ tuyển dụng, tổ chức tuyển dụng viên chức, công nhận kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng viên chức;

- Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi hết thời gian tập sự; hủy bỏ quyết định tuyển dụng;

- Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch; quyết định hình thức và nội dung sát hạch; quyết định tiếp nhận vào viên chức theo quy định;

- Thực hiện ký kết hợp đồng làm việc theo đúng quy định pháp luật hiện hành đối với viên chức trúng tuyển kỳ tuyển dụng.

b) Đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức theo vị trí việc làm và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm, gửi Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản trước khi tổ chức tuyển dụng;

- Quyết định kế hoạch tuyển dụng, tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức theo vị trí việc làm và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu trong đơn vị nhóm 3 thuộc phạm vi quản lý;

- Thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát kỳ tuyển dụng, tổ chức tuyển dụng, công nhận kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng viên chức;

- Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi hết thời gian tập sự; hủy bỏ quyết định tuyển dụng;

- Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch; quyết định hình thức và nội dung sát hạch; quyết định tiếp nhận vào viên chức theo quy định;

- Thực hiện ký kết hợp đồng làm việc theo đúng quy định pháp luật hiện hành đối với viên chức trúng tuyển kỳ tuyển dụng.

4. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2

- Quyết định kế hoạch tuyển dụng viên chức theo vị trí việc làm và số lượng người làm việc;

- Tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức theo quy định;

- Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi hết thời gian tập sự; hủy bỏ quyết định tuyển dụng;

- Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch; quyết định hình thức và nội dung sát hạch; quyết định tiếp nhận vào viên chức theo quy định;

- Thực hiện ký kết hợp đồng làm việc theo đúng quy định pháp luật hiện hành đối với viên chức trúng tuyển kỳ tuyển dụng.

b) Đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4

- Đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức trên cơ sở vị trí việc làm và số lượng người làm việc, trình cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi hết thời gian tập sự hoặc hủy bỏ quyết định tuyển dụng viên chức;
- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng theo khoản 2 Điều này xem xét tiếp nhận vào viên chức;
- Thực hiện ký kết hợp đồng làm việc theo đúng quy định pháp luật hiện hành đối với viên chức trúng tuyển kỳ tuyển dụng.

Chương III

PHÂN CẤP SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ VIÊN CHỨC

Điều 7. Bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương, xét chuyển chức danh nghề nghiệp và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp hạng I đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng;

- Ban hành đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I thuộc đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2; đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở lên đối với viên chức thuộc đơn vị nhóm 3, đơn vị nhóm 4;

- Quyết định thành lập Hội đồng, Ban giám sát, tổ chức kỳ xét thăng hạng, công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I thuộc đơn vị nhóm 1, đơn vị nhóm 2 và chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng II trở lên thuộc đơn vị nhóm 3, đơn vị nhóm 4;

- Quyết định xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Quyết định xếp lương, xét chuyển chức danh nghề nghiệp, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Quyết định xếp lương, xét chuyển chức danh nghề nghiệp, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I thuộc đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4;

đ) Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp hạng II đối với viên chức thuộc đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4, sau khi viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng;

e) Quyết định xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng II trở xuống trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III trở xuống theo thẩm quyền phân cấp quản lý, sau khi viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng;

b) Quyết định giao thêm chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

c) Quyết định xếp lương, xét chuyển chức danh nghề nghiệp, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở xuống (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này);

d) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp viên chức theo thẩm quyền phân cấp quản lý;

đ) Xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III trở xuống thuộc đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định chỉ tiêu trước khi tổ chức xét thăng hạng;

e) Quyết định thành lập Hội đồng, Ban giám sát, tổ chức kỳ xét thăng hạng, công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III trở xuống thuộc đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4;

g) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng II trở xuống đối với đề án xét thăng hạng của đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý, trước khi tổ chức thực hiện;

h) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc quyền quản lý.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp viên chức theo thẩm quyền phân cấp quản lý;

- Xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng II trở xuống, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định chỉ tiêu thăng hạng trước khi tổ chức thực hiện;

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng II trở xuống, sau khi viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng;

- Quyết định thành lập Hội đồng, Ban giám sát, tổ chức kỳ xét thăng hạng, công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở xuống;

- Quyết định giao thêm chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

- Quyết định xếp lương, xét chuyển chức danh nghề nghiệp, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp trên);

- Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

b) Đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III trở xuống, sau khi viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng;

- Quyết định giao thêm chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

- Quyết định xếp lương, xét chuyển chức danh nghề nghiệp, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở xuống (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp trên);

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp viên chức theo thẩm quyền phân cấp quản lý;

- Xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III trở xuống, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định chỉ tiêu trước khi tổ chức thực hiện;

- Quyết định thành lập Hội đồng, Ban giám sát, tổ chức kỳ xét thăng hạng, công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống;

- Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc quyền quản lý.

4. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2

- Đề nghị cơ quan cấp trên xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp viên chức theo thẩm quyền phân cấp quản lý;

- Xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng II trở xuống, trình cơ quan cấp trên xem xét, quyết định chỉ tiêu thăng hạng trước khi tổ chức thực hiện;

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng II trở xuống, sau khi viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng;

- Quyết định thành lập Hội đồng, Ban giám sát, tổ chức kỳ xét thăng hạng, công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở xuống;

- Quyết định xếp lương, xét chuyển chức danh nghề nghiệp, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung viên chức thuộc quyền quản lý giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống;

- Báo cáo cơ quan cấp trên về tỷ lệ nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của năm sau liền kề và số dư ra dưới 10 người trong đơn vị mình, để xem xét giao chỉ tiêu trước khi quyết định nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định;

- Báo cáo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

b) Đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4

- Đề nghị cơ quan cấp trên xem xét, quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng, xếp lương, xét chuyển chức danh nghề nghiệp, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở xuống và xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Báo cáo cơ quan cấp trên về tỷ lệ nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của năm sau liền kề và số dư ra dưới 10 người trong đơn vị;

- Tổng hợp nhu cầu, danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Điều 8. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm và cho thôi giữ chức vụ quản lý

1. Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm và cho thôi giữ chức vụ quản lý đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Trường hợp có quy định khác về thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm và cho thôi giữ chức vụ quản lý đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị trực thuộc;

b) Xây dựng kế hoạch, quy hoạch và phê duyệt quy hoạch viên chức quản lý thuộc quyền quản lý theo quy định;

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm và cho thôi giữ chức vụ quản lý đối với viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm và cho thôi giữ chức vụ quản lý đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị thuộc quyền quản lý.

Điều 9. Chuyển công tác viên chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chấp thuận chuyển công tác đối với viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định cho chuyển công tác viên chức ra ngoài tỉnh; trường hợp viên chức có trình độ sau đại học, trước khi quyết định chuyển công tác ra ngoài tỉnh thì phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức từ cấp huyện trở lên từ tỉnh ngoài vào làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho chuyển công tác, tiếp nhận viên chức giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện và vị trí việc làm.

Điều 10. Biệt phái viên chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biệt phái đối với viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến bằng văn bản đối với viên chức được biệt phái làm công việc ở vị trí việc làm công chức;

c) Quyết định biệt phái viên chức ra ngoài phạm vi quản lý của sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định biệt phái viên chức thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này);

b) Quyết định biệt phái viên chức làm công việc ở vị trí việc làm công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2 quyết định biệt phái viên chức thuộc phạm vi quản lý đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định;

b) Đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4 đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định biệt phái viên chức theo quy định.

Điều 11. Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm.

3. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức thuộc thẩm quyền quản lý. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có đơn vị sự nghiệp trực thuộc thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào điều kiện cụ thể, thực hiện đánh giá hoặc phân công, phân cấp đánh giá viên chức thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Đào tạo, bồi dưỡng

1. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo quy định;

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

- Quyết định cử viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu và phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

- Có ý kiến bằng văn bản đối với viên chức đào tạo sau đại học;

- Thành lập Hội đồng xét đền bù; quyết định đền bù chi phí đào tạo đối với trường hợp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo giai đoạn năm năm (05 năm) và hàng năm;

d) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo quy định;

đ) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ về kết quả đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo sau đại học sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này); quyết định cử viên chức thuộc phạm vi quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng từ bậc đại học trở xuống;

b) Định kỳ vào tháng 9 hàng năm, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức thuộc phạm vi quản lý của năm kế tiếp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ);

c) Quyết định thành lập Hội đồng xét đền bù; quyết định đền bù chi phí đào tạo đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Trường hợp viên chức đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình, dự án, đề án phát sinh ngoài kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm thì sau khi có ý kiến thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ vào chương trình, dự án, đề án cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng theo thẩm quyền.

Điều 13. Vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

1. Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp (hoặc Đề án điều chỉnh vị trí việc làm) đối với đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4 thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Xây dựng, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định) Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp (hoặc điều chỉnh Đề án vị trí việc làm) đối với đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4 theo quy định.

3. Thủ trưởng đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2 quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp (hoặc điều chỉnh Đề án vị trí việc làm) trong đơn vị theo thẩm quyền.

Điều 14. Thôi việc, nghỉ hưu viên chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thôi việc, nghỉ hưu đối với viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ quản lý quyết định thôi việc, nghỉ hưu đối với viên chức quản lý.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức quyết định thôi việc, nghỉ hưu đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý.

Điều 15. Báo cáo thống kê

1. Giám đốc Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo thống kê về công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; báo cáo thống kê đột xuất theo yêu cầu của Bộ, ngành Trung ương liên quan đến ngành, lĩnh vực Nội vụ.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tổng hợp, báo cáo thống kê theo quy định; báo cáo thống kê đột xuất khi cơ quan thẩm quyền yêu cầu, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) đảm bảo thời gian quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện và triển khai Quy định này đến công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để được hướng dẫn, giải quyết hoặc tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.